

Số: 01 /QĐ-NTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024 của trường phổ thông năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PT NK TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 98/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 109/2004/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường THPT Chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định và Quyết định số 5477/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức lại tên trường thành trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Nguyễn Thị Định;

Căn cứ tình hình sử dụng dự toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024 của trường phổ thông năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định (file đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Bộ phận kế toán, các phòng ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT..



Lê Quang Ninh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 1 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 98/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường phổ thông NK TDTT Nguyễn Thị Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

Dvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	0		100%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (6 tháng, năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		13.843.115.805		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		8.636.495.450		
6001	Lương theo ngạch, bậc		4.246.413.575		
6101	Phụ cấp chức vụ		74.520.000		
6103	Phụ cấp thu hút		0		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		0		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		6.480.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		2.048.468.400		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		329.400.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		2.689.200		
6301	Bảo hiểm xã hội		756.636.455		
6302	Bảo hiểm y tế		129.709.032		
6303	Kinh phí công đoàn		86.472.684		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		43.236.348		
6449	Chi khác		221.400.000		
6501	Tiền điện		226.150.712		
6502	Tiền nước		332.628.044		
6704	Khoán công tác phí		18.000.000		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		98.091.000		
7854	Chi thanh toán các DVCC, VTVP, TTTT, LL; CP đào tạo BD NV, công tác Đảng, các CO Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy		16.200.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên CCTL		0		
6001	Lương theo ngạch, bậc		0		
6101	Phụ cấp chức vụ		0		
6103	Phụ cấp thu hút		0		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		0		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		0		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		0		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		0		
6301	Bảo hiểm xã hội		0		
6302	Bảo hiểm y tế		0		
6303	Kinh phí công đoàn		0		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		0		
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.992.062.708		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		506.261.233		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách CPHT		39.150.000		
6301	Bảo hiểm xã hội		88.595.776		
6302	Bảo hiểm y tế		15.187.823		
6303	Kinh phí công đoàn		10.125.235		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		5.062.641		
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		1.327.680.000		
3.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên CCTL		3.214.557.647		
6449	Chi khác		3.214.557.647		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (6 tháng, năm nay so với cùng năm trước (tỷ lệ %)
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				

	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Lê Quang Ninh

